

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 9706/12-25

Mã mẫu: 2512KT1274 (429/12-25) Trang : 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4  
**Đơn vị được lấy mẫu** : NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN CỦA CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Khu IV, Tuyến công nghiệp Cỏ Chiên, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 17/12/2025 **Ngày trả kết quả**: 24/12/2025  
**Thời gian lưu mẫu** : Không lưu  
**Loại mẫu** : Khí thải  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động bình thường  
**Ký hiệu/vị trí lấy mẫu** : KT1 Trong lòng ống khói lò hơi – Toạ độ: X=1134111 ; Y= 556305

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2024/BTNMT Cột B
1	Lưu lượng <sup>(a)</sup>	m <sup>3</sup> /h	US EPA Method 2	5.703	-
2	Nhiệt độ <sup>(a)</sup>	°C	SOP-HT.KT 06	85,4	-
3	Áp suất <sup>(a)</sup>	mBar	SOP-HT.KT 05	1007,4	-
4	Bụi tổng (PM) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	47,1	≤ 50
5	SO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	<3	≤ 350
6	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	30	≤ 400
7	CO <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	312	≤ 400

**Ghi chú:**

**KPH:** Không phát hiện (<MDL)

**MDL:** Giới hạn phát hiện của phương pháp

**QCVN 19:2024/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp - Thiết bị sử dụng nhiên liệu rắn có công suất hơi dưới 20 tấn/giờ hoặc nhiệt lượng dưới 12.380.000 Kcal/giờ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Trưởng phòng



HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC  
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 9707/12-25

Mã mẫu: 2512KT1275-2512KT1276 (429/12-25) Trang: 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4  
**Đơn vị được lấy mẫu** : NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN CỦA CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Khu IV, Tuyến công nghiệp Cỏ Chiên, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 17/12/2025 **Ngày trả kết quả**: 24/12/2025  
**Thời gian lưu mẫu** : Không lưu  
**Loại mẫu** : Khí thải  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động bình thường  
**Ký hiệu/vị trí lấy mẫu** : **KT3** Ống thoát 2 (Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn Nghiền 1)  
Toạ độ: X=1134071 ; Y=556229  
: **KT7** Ống thoát 03 (Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn Nghiền 2)  
Toạ độ: X=1134078 ; Y=556217

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2024/BTNMT Cột B
				KT3	KT7	
1	Lưu lượng <sup>(a)</sup>	Nm <sup>3</sup> /h	US EPA Method 2	12.779	11.962	-
2	Nhiệt độ <sup>(a)</sup>	°C	SOP-HT.KT 06	65,2	41,5	-
3	Áp suất <sup>(a)</sup>	mBar	SOP-HT.KT 05	1002,8	1002,6	-
4	Bụi tổng (PM) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	64,3	46,1	≤ 80
5	NH <sub>3</sub> <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0099:2020	KPH MDL=1,0	KPH MDL=1,0	≤ 20
6	H <sub>2</sub> S <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0108:2010	KPH MDL=1,0	KPH MDL=1,0	≤ 7

**Ghi chú:**

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp - Các thiết bị xả thải khác

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC  
Phó Giám đốc

TRUNG TÂM  
MÔI TRƯỜNG VÀ  
SINH THÁI  
ỨNG DỤNG

HOÀNG VĂN TÍN

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 9708/12-25

Mã mẫu: 2512KT1277-2512KT1278 (429/12-25) Trang: 1/1

**Đơn vị yêu cầu**: CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4  
**Đơn vị được lấy mẫu**: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN CỦA CÔNG TY TNHH DE HEUS – CHI NHÁNH VĨNH LONG 4  
**Địa chỉ lấy mẫu**: Khu IV, Tuyến công nghiệp Cỏ Chiên, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long  
**Ngày lấy (nhận) mẫu**: 17/12/2025 **Ngày trả kết quả**: 24/12/2025  
**Thời gian lưu mẫu**: Không lưu  
**Loại mẫu**: Khí thải  
**Điều kiện lấy mẫu**: Trời nắng, các hoạt động bình thường  
**Ký hiệu/vị trí lấy mẫu**: **KT8** Ống thoát 04 (Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn Nghiền 2)  
Toạ độ: X=1134075 ; Y=556215  
**KT9** Ống thoát của hệ thống thu gom và làm mát khí thải từ công đoạn sấy và làm nguội – Toạ độ: X=1134081 ; Y=556242

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2024/BTNMT Cột B
				KT8	KT9	
1	Lưu lượng <sup>(a)</sup>	Nm <sup>3</sup> /h	US EPA Method 2	9.705	34.987	-
2	Nhiệt độ <sup>(a)</sup>	°C	SOP-HT.KT 06	45,3	44,8	-
3	Áp suất <sup>(a)</sup>	mBar	SOP-HT.KT 05	1002,6	1007,4	-
4	Bụi tổng (PM) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	28,6	30,1	≤ 80
5	NH <sub>3</sub> <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0099:2020	KPH MDL=1,0	KPH MDL=1,0	≤ 20
6	H <sub>2</sub> S <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0108:2010	KPH MDL=1,0	KPH MDL=1,0	≤ 7

Ghi chú:

**KPH**: Không phát hiện (<MDL)  
**MDL**: Giới hạn phát hiện của phương pháp  
**QCVN 19:2024/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp - Các thiết bị xả thải khác

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận  
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận  
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC  
Phó Giám đốc

HOÀNG VĂN TÍN